TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 911/2024/HC-PT
Ngày 26-8-2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười.

Ông Ngô Đức Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức – Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 19 và 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 325/2024/TLPT-HC ngày 01 tháng 4 năm 2024 về "Khiếu kiện quyết định hành chính yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 168/2023/HC-ST ngày 14-9-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2376/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Lê Thị Ú, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Ú: Ông Lê Bá C, sinh năm 1986; địa chỉ: A đường N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Minh T – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Minh T: Ông Nguyễn Thanh N – Phó Chủ tịch. (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Cùng địa chỉ: F đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Quách Văn T1 – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K; địa chỉ: A N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ban Q.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh T2 – Phó Giám đốc phụ trách.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Minh T2: Ông Ngô Thành N1 – Phó Giám đốc; địa chỉ: I đường N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

2. Anh Phạm Văn T3, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

3. Chị Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 2005; địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Ủy ban nhân dân tỉnh K, là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là bà Lê Thị Ú và người đại diện theo ủy quyền là bà Võ Thị Lan A trình bày:

Vợ chồng bà Lê Thị Ú và ông Phạm Văn T4 có diện tích đất khoảng 17.000m^2 tại H Trong, tổ A, ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Nguồn gốc đất do vợ chồng bà Ú khai khẩn từ những năm 1990 sử dụng trồng cây lâu năm và cất nhà ở. Hiện nay trên đất có nhiều loại cây ăn trái cổ thụ như: xoài, mít, ổi, dừa, bạch đàn,... Đầu năm 2020, ông T4 chết. Diện tích đất trên do bà Ú và 02 người con là anh Phạm Văn T3 và chị Phạm Thị Ngọc L quản lý, sử dụng.

Ngày 19/6/2020, bà Ú thành lập Công ty TNHH một thành viên L1 Ngày 22/6/2020, bà Ú làm hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Kiên Giang xin chủ trương đầu tư dự án khu D tại vị trí đất nêu trên. Tại Báo cáo số 191/BC-SKHĐT ngày 08/10/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh K gửi UBND tỉnh K đã xác định: Dự án phù hợp với đề án phát triển du lịch của Huyện. Tuy nhiên, dự án trên chưa phù hợp quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và hiện nay nhà đầu tư đang trình Huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất.

Trong khi đang làm thủ tục để được cấp GCNQSD đất thì bà Ú được biết diện tích đất của Bà đã được UBND tỉnh K cấp GCNQSD đất số DB 243979 ngày 16/6/2021 cho Ban Quản lý (BQL) rừng Kiên Giang. Vì vây, bà Ú yêu cầu Tòa án giải quyết hủy GCNQSD đất nêu trên.

Tại Văn bản số 109/UBND-NC ngày 01/02/2023, UBND tỉnh K có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ú như sau:

BQL rừng phòng hộ ven biển và bảo vệ biên giới (nay là BQL rừng K) được UBND tỉnh K giao đất theo Quyết định số 4041/QĐ-UB và cấp GCNQSD đất số K 475718 ngày 31/12/1998 tổng diện tích đất rừng phòng hộ là 2.016,15 ha.

Ngày 09/9/2020, BQL rừng K nộp Đơn đăng ký cấp GCNQSD đất trên cơ sở thống nhất của UBND huyện K và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K. Ngày 26/5/2021, Sở T có Tờ trình số 346/TTr-STNMT trình UBND tỉnh K về việc cấp GCNQSD đất cho BQL rừng K. Ngày 16/6/2021, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 1464/QĐ-UBND về việc công nhận và cấp 04 GCNQSD đất cho BQL rừng

K (trong đó có GCNQSD đất số DB 243979) đồng thời hủy GCNQSD đất số K 475718 ngày 31/12/1998. Trình tự, thủ tục công nhận và cấp đổi GCNQSD đất cho BQL rừng K theo quy định tại Điều 99, khoản 1 Điều 102 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 25, Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Bà Lê Thị Ú sử dụng đất nhưng không cung cấp được sơ đồ vị trí kèm theo nên không xác định được vị trí, tọa độ, ranh giới khu đất của bà Ú nằm trong hay ngoài GCNQSD đất số DB 243979 ngày 16/6/2021 cấp cho BQL rừng K. Do đó, việc bà Ú yêu cầu hủy giấy chứng nhận này là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Út .

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 168/2023/HC-ST ngày 14-9-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 158, Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 53 của Luật Đất đai; Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Út .

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 243979 do Ủy ban nhân dân tỉnh K cấp ngày 16/6/2021 cho Ban Q, đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 03, xã A, huyện K, tỉnh Kiên Giang, diện tích 145.838,9m^2.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 27/10/2023, người bị kiện là UBND tỉnh K có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 168/2023/HC-ST ngày 14-9-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của N2 bị kiện đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện đối với Người bị kiện là có căn cứ pháp luật. Người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới có thể làm thay đổi bản chất vụ án nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Người bị kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn Kháng cáo của người bị kiện là UBND tỉnh K làm trong hạn luật định và hợp lệ nên chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, thấy rằng: Bà Lê Thị Ú và hai người con (anh Phạm Văn T3 và chị Phạm Thị Ngọc L) đang sử dụng diện tích đất 17.948,5m^2 tại khu vực H, thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 3, xã A, huyện K. Trên đất có nhiều loại cây ăn trái cổ thụ như: xoài, mít, ổi, dừa, bạch đàn,... Theo bà Ú khai nguồn gốc đất nêu trên do B cùng chồng là ông Phạm Văn T4 khai khẩn từ những năm 1997 để trồng cây lâu năm và cất nhà ở, nhưng cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSD đất cho BQL rừng phòng hộ K là không đúng. Còn theo UBND tỉnh K, thì bà Ú làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích nêu trên nhưng không cung cấp được sơ đồ vị trí đất nên không xác định được phần đất này có thuộc thửa đất số 01 đã được cấp quyền sử dụng cho BQL rừng phòng hộ hay không.

[3] Xét thấy, theo Biên bản hòa giải tranh chấp đất giữa bà Quang Thị N3 với bà Lê Thị Ú ngày 18/11/2021 của UBND xã A, thì diện tích đất bà Ú đang sử dụng có nguồn gốc do UBND xã A cấp cho ông Nguyễn Văn T5 (chồng của bà Quang Thị N3) tại "Quyết định cấp đất rừng" ngày 09/5/1993, nhưng không thể hiện diện tích đất mà chỉ ghi phần đất được cấp là *"một miếng đất ở H"*; sau khi vợ chồng bà N3 giao cho ông Sáu T6 quản lý sử dụng thì vợ chồng bà Ú vào canh tác được một thời gian thì hai bên xảy ra tranh chấp. Như vậy có cơ sở xác định, trước khi cấp GCNQSD đất cho BQL rừng phòng hộ ven biển và bảo vệ biên giới (nay là BQL rừng K) vào năm 1998, thì phần diện tích đất tranh chấp giữa bà N3 với bà Ú đã được giao cho cá nhân sử dụng, cụ thể là cấp cho ông Nguyễn Văn T5 nhằm *"động viên cho người dân ra đảo ở để dễ quản lý về an ninh trật tự và tạo điều kiện cho người dân sinh sống và phát triển…"* theo quyết định giao đất nêu trên.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện UBND tỉnh K cho rằng, trường hợp cấp đất cho ông Nguyễn Văn T5 nếu cấp sai thẩm quyền thì vẫn được xem xét cấp GCNQSD đất nếu có thực tế sử dụng đất. Như vậy, việc UBND Tỉnh có quyết định giao phần diện tích đất này cho BQL rừng K nhưng chưa thực hiện thủ tục thu hồi đất của người đang sử dụng đất là không đúng quy định tại Điều 53 của Luật Đất đai năm 2013.

[5] Việc UBND tỉnh K viện lý do bà Ú (hay ông T5) không cung cấp được sơ đồ vị trí đất để xác định phần đất bà Ú đang quản lý sử dụng có nằm trong thửa số 01 đã giao cho BQL rừng K hay không là không có cơ sở, bởi lẽ việc lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất thuộc nội dung quản lý Nhà nước về đất đai theo quy định tại khoản 3 Điều 22 của Luật Đất đai năm 2013 chứ không thuộc trách nhiệm của người sử dụng đất.

[6] Tuy nhiên, như nhận định ở đoạn [3], thì nguồn gốc phần đất bà Ú đang sử dụng, trước đó đã được cấp cho ông T5. Hai bên đã xảy ra tranh chấp phần đất này nhưng chưa được giải quyết. Lẽ ra trong trường hợp này, khi giải quyết khiếu kiện hành chính giữa bà Ú với UBND tỉnh K, Tòa án cấp sơ thẩm phải đưa ông Nguyễn Văn T5 và bà Quang Thị N3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết triệt để vụ án. Đây là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên phải hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa chưa phù hợp với nhận định trên nên không có cơ sở để chấp nhận.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do hủy Bản án sơ thẩm nên Người bị kiện không phải chịu án phúc phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính,

1. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 168/2023/HC-ST ngày 14-9-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí phúc thẩm: Ủy ban nhân dân tỉnh K không phải chịu án phí phúc thẩm. H lại cho UBND tỉnh K 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003935 ngày 08/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu VP; HSVA; NTK.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Tuấn